

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2025/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định nội dung và mức chi
cho các hoạt động khuyến công tỉnh Đồng Nai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về Khuyến công;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Xét Tờ trình số 103/TTr-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi hoạt động khuyến công tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số 322/BC-BKTNS ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công tỉnh Đồng Nai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung và mức chi hoạt động khuyến công tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, định kỳ có đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khoá X Kỳ họp thứ 28 thông qua ngày 10 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025/.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính Phủ;
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Vụ Pháp chế-Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế- Bộ Công Thương;
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đ/c Bí thư Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Thành ủy, huyện ủy, HĐND, UBND cấp huyện;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, PCTHĐND.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Thị Bích Hằng



QUY ĐỊNH

Nội dung và mức chi hoạt động khuyến công tỉnh Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND)

Ngày 10 tháng 06 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung và mức chi hoạt động khuyến công tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại địa bàn cấp xã và tương đương của tỉnh Đồng Nai, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).
- Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn.
- Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

- Ngân sách tỉnh đảm bảo kinh phí cho hoạt động khuyến công do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và tổ chức thực hiện.
- Ngân sách cấp xã và tương đương đảm bảo kinh phí cho hoạt động khuyến công do Ủy ban nhân dân cấp xã và tương đương quản lý và tổ chức thực hiện.
- Các nguồn tài chính hợp pháp khác do huy động hoặc do lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác để thực hiện tốt mục tiêu của khuyến công.

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công

- Kinh phí khuyến công tỉnh bảo đảm chi cho những hoạt động khuyến công do Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức thực hiện đối với hoạt động khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn có ý nghĩa trong tỉnh phù hợp chiến lược, quy hoạch tỉnh.
- Kinh phí khuyến công cấp xã và tương đương bảo đảm chi cho những hoạt động khuyến công do Ủy ban nhân dân cấp xã và tương đương quản lý và tổ chức thực hiện đối với hoạt động khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn triển khai trong địa bàn cấp xã và tương đương nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình, kế hoạch khuyến công được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.
- Đề án, nhiệm vụ khuyến công thực hiện theo phương thức xét chọn theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc đấu thầu theo quy định hiện hành.

4. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí khuyến công cho các hoạt động khuyến công phải thực hiện theo đúng định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Điều 5. Điều kiện để được hỗ trợ kinh phí khuyến công

Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí khuyến công phải đảm bảo các điều kiện như sau:

1. Nội dung nhiệm vụ, đề án phù hợp với nội dung quy định tại Điều 4 và ngành nghề phù hợp với danh mục ngành nghề quy định tại Điều 5 của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về Khuyến công.

2. Nhiệm vụ, đề án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và tương đương).

3. Tổ chức, cá nhân đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt (sau khi trừ số kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ).

4. Cam kết của tổ chức, cá nhân thực hiện hoặc thụ hưởng từ đề án khuyến công chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Nhà nước cho cùng một nội dung chi được kinh phí khuyến công hỗ trợ.

Điều 6. Nội dung chi và mức chi hoạt động khuyến công tỉnh Đồng Nai

Quy định này quy định nội dung chi và mức chi hoạt động khuyến công tỉnh Đồng Nai như sau:

1. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

a) Mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ bằng 30% chi phí nhưng không quá 1.000 triệu đồng/mô hình.

b) Mô hình của các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập, bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ bằng 30% chi phí nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình.

2. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; bao gồm các chi phí: thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; đào tạo nâng cao trình độ tay nghề công nhân; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ bằng 30% chi phí nhưng không quá 500 triệu đồng/mô hình.

3. Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 50% chi phí nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở. Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp.

4. Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ bằng 50% chi phí nhưng không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu.

5. Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ bằng 50% chi phí nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở.

6. Chi hỗ trợ để thành lập hội, hiệp hội ngành nghề cấp tỉnh. Mức hỗ trợ bằng 30% chi phí thành lập/hội, hiệp hội cấp tỉnh nhưng không quá 70 triệu đồng/hội, hiệp hội.

7. Chi hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 50% chi phí/cụm liên kết nhưng không quá 150 triệu đồng/cụm liên kết.

8. Chi hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp (hỗ trợ sau khi cơ sở công nghiệp nông thôn đã hoàn thành việc đầu tư): Mức hỗ trợ bằng 50% lãi suất cho các khoản vay để đầu tư nhà xưởng, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong 02 năm đầu/cơ sở nhưng không quá 500 triệu đồng/cơ sở. Việc hỗ trợ lãi suất áp dụng đối với các khoản vay trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam trả nợ trước hoặc trong hạn, không áp dụng đối với các khoản vay đã quá thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Với mức lãi suất cho vay thấp nhất trong khung lãi suất áp dụng cho các khoản vốn đầu tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ của Ngân hàng phát triển Việt Nam.

9. Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ bằng 30% chi phí nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở.

10. Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 30% chi phí nhưng không quá 1.500 triệu đồng/cụm công nghiệp.

11. Chi hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 50% tổng chi phí Đồ án lập quy hoạch chi tiết giai đoạn thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề nhưng không quá 500 triệu đồng/cụm công nghiệp.

12. Chi hỗ trợ đầu tư các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại cơ sở công nghiệp nông thôn:

a) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ bằng 50% chi phí nhưng không quá 70 triệu đồng/phòng trưng bày.

b) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ bằng 50% chi phí nhưng không quá 50 triệu đồng/phòng trưng bày.

c) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ bằng 50% chi phí nhưng không quá 30 triệu đồng/phòng trưng bày.

13. Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong tỉnh; hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm; bao gồm: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban tổ chức hội chợ triển lãm trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước. Mức hỗ trợ bằng 80% giá thuê gian hàng. Mỗi cơ sở công nghiệp nông thôn được hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm 02 lần/năm, số gian hàng được hỗ trợ là 04 gian/lần tham gia.

14. Chi hỗ trợ Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp tổ chức gian hàng chung tỉnh Đồng Nai tham gia hội chợ triển lãm trong và ngoài tỉnh áp dụng theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung và mức chi hỗ trợ chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

15. Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

16. Chi thù lao cho cộng tác viên khuyến công. Mức chi thù lao cho cộng tác viên tối đa không quá 1,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

17. Chi ứng dụng công nghệ thông tin áp dụng theo Thông tư 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

18. Chi thuê chuyên gia áp dụng theo Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 05 năm 2025 của Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu.

19. Chi nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp. Mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

20. Chi tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu:

a) Chi tổ chức bình chọn, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh bao gồm: Chi tổ chức tuyên truyền, vận động; thẩm định hồ sơ; các khoản phục vụ công tác tổ chức họp Hội đồng ban giám khảo, tổ chức đoàn đi khảo sát thẩm định hồ sơ tại cơ sở CNNT, Tổ chức trao thưởng gồm chi thành viên hội đồng, ban giám khảo, thư ký cuộc họp. Thuê hội trường, trang trí

hội trường, phụ cấp công tác phí, nhiên liệu đi triển khai vận động, văn phòng phẩm, chi hỗ trợ đại biểu không hưởng lương từ ngân sách, xây dựng video phục vụ họp hội đồng và phục vụ lễ trao thưởng, nước uống. Mức hỗ trợ không quá 150 triệu đồng/lần đối với cấp tỉnh.

b) Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn bao gồm: Giấy chứng nhận, khung, kỉ niệm chương, hoa và tiền thưởng. Mức thưởng đối với sản phẩm công nghiệp nông thôn cấp tỉnh không quá 05 triệu đồng/sản phẩm.

21. Chi quản lý chương trình đề án khuyến công.

a) Sở Công Thương là cơ quan quản lý kinh phí khuyến công được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác (nếu có). Nội dung và kinh phí do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ khuyến công là đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được chi tối đa 3% dự toán đề án khuyến công để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có).

22. Mức kinh phí ưu tiên hỗ trợ cho các chương trình, đề án, nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP do Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, đảm bảo thu hút được các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, áp dụng sản xuất sạch hơn vào các địa bàn và ngành nghề cần ưu tiên, cụ thể:

a) Mức kinh phí ưu tiên hỗ trợ cho các chương trình, đề án, nhiệm vụ triển khai tại địa bàn ưu tiên là 1,5 lần mức hỗ trợ quy định trên đây.

b) Mức kinh phí ưu tiên hỗ trợ cho các chương trình, đề án, nhiệm vụ thuộc ngành nghề ưu tiên là 1,3 lần mức hỗ trợ quy định trên đây.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu phát sinh vướng mắc, khó khăn, các cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.